

Tập 39

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn mươi chín:

(Sớ) Phật dĩ đại từ đại bi, tiếp dẫn chúng sanh, thị hoài ngã dĩ thánh thai, tự ngã dĩ pháp nhũ, tức kim nội ngoại thân tâm, mặc bất hà kỳ ân lực nhi đắc thành lập.

(疏)佛以大慈大悲，接引眾生，是懷我以聖胎，飼我以法乳，即今內外身心，莫不荷其恩力而得成立。

(Sớ: Phật do lòng đại từ đại bi tiếp dẫn chúng sanh là chứa đựng ta bằng thánh thai, nuôi dưỡng ta bằng sữa pháp, ngay cả trong và ngoài thân tâm hiện thời, không có gì chẳng nhờ vào ân đức và thần lực của Phật mà được thành lập).

Đối với sự tu học của chúng ta, đoạn này rất quan trọng.

(Diễn) Phật dĩ đại từ hạ, song viết Sự Lý. Ước Sự, tắc tứ thập bát nguyện, quảng độ hữu tình, thị tiếp dẫn chúng sanh.

(演)佛以大慈下，雙曰事理。約事，則四十八願。廣度有情，是接引眾生。

(Diễn: Từ câu “Phật do lòng đại từ” trở đi nói về Sự lẫn Lý. Nói theo Sự thì bốn mươi tám nguyện rộng độ hữu tình là tiếp dẫn chúng sanh).

Trong đoạn này có cả Sự lẫn Lý. Nói theo mặt Sự, A Di Đà Phật trong khi tu nhân đã phát ra bốn mươi tám nguyện, nguyện nào cũng nhằm tiếp dẫn chúng sanh, đây là chuyện thuộc phía Phật. Hết thấy chúng sanh trong mười phương thế giới chỉ cần xưng niệm Phật hiệu, lúc lâm chung, Phật nhất định đến tiếp dẫn, đây là chuyện của chúng ta. Điều mấu chốt là chúng ta có tin tưởng hay không, có chịu phát nguyện hay không? Nếu tin tưởng, chịu phát nguyện, trong một đời này nhất định sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nói chung, đối với chuyện này, người ta thường cho rằng đây là chuyện viển vông: Thế giới Tây Phương là ở nơi đâu? Rốt cuộc nó có phải là chân thật hay không? Không chỉ người hiện thời hoài nghi, mà cổ nhân cũng hoài nghi. Do nỗi hoài nghi này mà bỏ lỡ nhân duyên.

Chúng ta phải biết: Phật chẳng nói dối. Phật hóa độ chúng sanh bằng rất nhiều phương pháp, chẳng cần phải dùng vọng ngữ để độ chúng sanh. Dầu là nói dối vì mục đích tốt đẹp, nói dối tốt lành, đức Phật cũng chẳng dùng, vì sao? Giả sử trong một đời Ngài đã từng nói dối một lần, sẽ chẳng có ai tin tưởng lời Ngài nói. Nói chung, người ta thường hoài nghi: “Phật đã từng có lần nói dối, lần này cũng chắc gì đáng tin!” Do vậy, chắc chắn suốt đời đức Phật không nói dối. Thích Ca Mâu Ni Phật “*hiện quang trường thiết tướng*” (hiện tướng lưỡi rộng dài), đây là một tướng tốt lành trong ba mươi hai tướng, lưỡi thè ra có thể che khắp mặt. Kinh điển dạy: “Người bình thường ba đời không nói dối, lưỡi có thể liếm đến chót mũi của chính mình”. Đức Phật thè lưỡi có thể che cả mặt, cho thấy Ngài chẳng nói dối. Kinh Kim Cang dạy: “*Phật thị chân ngữ giả, thật ngữ giả, như ngữ giả, bất cuống ngữ giả*” (Phật là bậc nói lời chân thật, nói đúng như sự thật, nói đúng với bản chất của các pháp, chẳng nói lời dối gạt), chúng ta phải tin tưởng điều này! Do vậy, Tây Phương Cực Lạc thế giới tuyệt đối chẳng phải là cõi nước lý tưởng (Utopia) do Thích Ca Mâu Ni Phật [tưởng tượng ra], mà là sự thật. Mười phương thế giới vô lượng vô biên, đức Phật trông thấy rất rõ ràng, minh bạch, giới thiệu cõi Tây Phương Cực Lạc thế giới cho chúng ta sanh về.

Cũng có người muốn hỏi: Mười phương thế giới vô lượng vô biên, loại Tịnh Độ giống như cõi nước của A Di Đà Phật cũng không ít, thậm chí có nhiều thế giới còn thù thắng hơn thế giới Cực Lạc, vì sao đức Phật chẳng bảo chúng ta sanh về những cõi đó, cứ khẳng khẳng bảo chúng ta hãy tới Tây Phương Cực Lạc thế giới? Ở đây có một điều mấu chốt là chữ “*duyên*”, duyên phận đây nhé! Trong thế gian của chúng ta nói tới duyên phận, mười phương thế giới cũng nói duyên phận. A Di Đà Phật và chúng sanh trong thế giới này có duyên phận đặc biệt sâu đậm. Nói cách khác, Ngài đặc biệt hoan nghênh chúng sanh từ thế giới Sa Bà sanh về cõi nước của Ngài. Đã có duyên như vậy, mà phương pháp lại rất đơn giản: Chỉ cần quý vị niệm Phật, niệm đến mức thân tâm thanh tịnh. Quý vị phải nhớ: Nơi ấy gọi là Tịnh Độ, thân tâm chẳng thanh tịnh sẽ chẳng phù hợp điều kiện. Niệm một câu A Di Đà Phật là diệu pháp để thanh tịnh thân tâm, chúng ta nhất định phải tin tưởng.

Ở cõi này, hễ phát nguyện vãng sanh, chấp trì danh hiệu, kinh đã nói rất rõ ràng, liên hoa hóa sanh trong cõi kia. Tức là trong ao bảy báu nảy sanh một đóa hoa sen, hoa sen ấy dành cho người niệm Phật đó. Ta niệm Phật, trong ao bảy báu trở một đóa hoa sen, chắc chắn không sai. Hoa sen lớn hay nhỏ, ánh sáng, màu sắc mỗi hoa khác nhau, nguyên nhân

là do niệm Phật siêng năng hay lười nhác. Quý vị niệm Phật rất siêng, hoa lớn dần, ánh sáng, màu sắc càng đẹp hơn. Nếu giải đãi, biếng nhác, mỗi ngày chỉ niệm Phật mấy tiếng, hoa liền bé, ánh sáng, màu sắc sẽ kém. Tốt đẹp hay kém cỏi sai khác như vậy đó. Nếu quý vị muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, trụ trong đại liên hoa thì Phật hiệu đừng nên gián đoạn, nhất tâm nhất ý niệm. Đồng thời, chúng ta càng phải nên cảnh giác: Trong thế gian không có chuyện gì là chân thật, chỉ có chuyện này là chân thật. Thế nhưng, chúng sanh mê hoặc, điên đảo, chuyện thật sự khẩn yếu mà chẳng làm, cứ khăng khăng suốt ngày từ sáng đến tối làm những chuyện chẳng liên quan, làm những chuyện sanh tử luân hồi trong lục đạo, chẳng biết vun bồi hoa sen của chính mình cho to lớn. Đây là làm lẫn lộn nhất!

“Hoài ngã dĩ thánh thai, tự ngã dĩ pháp nhũ” (dùng thánh thai chứa đựng ta, dùng sữa pháp nuôi dưỡng ta). Trong đây có hai ý nghĩa, Tây Phương Cực Lạc thế giới sáu trần thuyết pháp, dùng Phật pháp nuôi nấng Pháp Thân huệ mạng của chúng ta. *“Pháp nhũ”* là nghe pháp, nghe pháp quả thật hết sức quan trọng. Trong Phật môn, vị có duyên phận sâu đậm nhất với chúng ta là Quán Thế Âm Bồ Tát, Nhĩ Căn của chúng ta nhạy bén nhất, Quán Thế Âm Bồ Tát cũng là Nhĩ Căn nhạy bén; trong hội Lăng Nghiêm, phương pháp tu hành của Ngài *“phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo”* (xoay tánh Nghe để nghe tự tánh, tánh trở thành đạo vô thượng), từ âm thanh mà nhập pháp môn. Trong thế giới Tây Phương, sáu trần thuyết pháp, hiển thị thế giới Tây Phương cũng đặc biệt là Nhĩ Căn thụ dụng, đây là cái nhân tố (factor) căn bản để chúng ta có duyên với cõi ấy, đều là do Nhĩ Căn nhạy bén nhất.

Do đây có thể biết: Nghe pháp hết sức quan trọng! Chẳng qua chúng ta phải hiểu rõ: Nếu trong hiện tại, chúng ta học rộng nghe nhiều, cố nhiên là chuyện tốt, nhưng chắc chắn nó sẽ chướng ngại quý vị cầu sanh Tịnh Độ vì quý vị bị phân tâm! Thêm nữa, [học rộng nghe nhiều] chỉ có thể tăng trưởng thường thức (kiến thức thông dụng) về Phật học, chẳng thể khai trí huệ. Tăng trưởng thường thức về Phật học thì như Thanh Lương đại sư đã nói: “Tăng trưởng tà kiến!” Tri kiến quá nhiều, suy nghĩ loạn xạ, nghĩ trong kinh này đức Phật nói như thế này, trong kinh kia đức Phật nói như thế nọ. Phật thuyết pháp ở chỗ nào, quý vị bèn bị âm thanh nơi đó xoay chuyển, bị Phật pháp xoay chuyển. Khi quý vị đọc kinh, bèn bị kinh xoay chuyển, đây là phạm phu. Bị kinh, bị ngôn thuyết xoay chuyển nên

đều là tà kiến¹. Quý vị khởi phân biệt, chấp trước ở nơi đó, suy nghĩ loạn xạ tại nơi đó.

Do vậy, thường có những người học rộng nghe nhiều, chẳng bằng người suốt đời niệm A Di Đà Phật! Người ấy vãng sanh Tây Phương, hoa sen vừa to vừa đẹp; người cả đời học rộng, nghe nhiều, giảng kinh, thuyết pháp, thậm chí vẫn phải trôi nổi trong tam đồ, thua người [chỉ biết niệm Phật] ấy rất xa! Nguyên nhân là ở chỗ nào? Đọc kinh điển quá nhiều, học quá nhiều, quá tạp, chẳng có tín tâm kiên cố đối với Tịnh Độ. Vì kẻ đó biết quá nhiều pháp môn, lúc thì tham Thiên, lúc thì trì giới, lúc thì niệm chú, hoa dạng quá nhiều, quá tạp, đâm ra chẳng thể thành công! Nguyên cũng chẳng thiết, mà hạnh cũng chẳng đắc lực, niệm mấy tiếng A Di Đà Phật tạo thành nhân duyên cho đời sau mà thôi, đời này chẳng thể thành công! Chúng ta phải cảnh giác chuyện này!

Do vậy, thật sự hiểu rõ chân tướng sự thật thì những thứ khác ta chẳng làm! Những kinh khác ta cũng không xem, giống như Liên Trì đại sư đã nói: “*Tam Tạng thập nhị bộ nhường cấp biệt nhân ngộ, bát vạn tứ thiên hạnh nhiều dữ tha nhân hành*” (Tam Tạng mười hai bộ kinh nhường cho người khác ngộ, tám vạn bốn ngàn hạnh để cho người khác hành). Lão nhân gia cả đời một kinh Di Đà, một câu A Di Đà Phật, là đủ rồi, chuyện gì cũng đều chẳng cần, nên Ngài có thể trở thành tổ sư một đời. Liên Trì đại sư suốt đời niệm Phật, bao nhiêu nghi thức trong Phật môn Ngài đều chẳng biết, bài Lư Hương Tán cũng không biết xướng, nhưng Ngài niệm Phật hiệu rất linh. Truyện ký có ghi chép: Thuở ấy, cả một vùng quanh chùa Vân Thê bị hạn hán, rất lâu trời không mưa, mọi người biết Ngài là một vị cao tăng có đạo đức bèn cầu lão nhân gia thay mặt chúng sanh cầu mưa. Ngài nói: “Tôi chẳng biết cách cầu như thế nào, nhưng người đến đông quá, mọi người đều cầu khẩn, làm sao bây giờ? Được rồi! Tôi hướng dẫn quý vị cùng niệm Phật!” Ngài cầm dẫn khánh hướng dẫn đại chúng, niệm A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, bắt đầu niệm từ cửa chùa đi ra, đi nhiều quanh bờ ruộng, Ngài đi đến đâu, mưa trút đến đấy, linh dường ấy! Lão nhân gia niệm Phật đến nhất tâm bất loạn, lòng Thành ắt linh!

Ý nghĩa thứ hai, “*pháp nhũ*” là trong pháp hội giảng kinh hiện tại của chúng ta, giảng kinh gì vậy? Thưa với quý vị, nhất định phải giảng kinh Di Đà. Nhất định phải giảng pháp môn vãng sanh Tây Phương, chẳng

¹ Điều này không có nghĩa là kinh hay ngôn thuyết của chư Phật, chư Bồ Tát, chư Tổ là tà kiến, mà là vì người nghe khởi chấp trước, phân biệt, vọng tưởng, suy lường xằng bậy, dính mắc nơi tướng văn tự và ngôn thuyết, nên gọi là tà kiến.

thể giảng chi khác. Giảng những thứ khác sẽ gây rối ren, nhất định phải giảng pháp môn Niệm Phật. Có thể giảng bộ Di Đà Kinh Sớ Sao này, đương nhiên là lý tưởng nhất, đại sư chú giải hết sức chu đáo, tường tận, thấu triệt. Trừ kinh này ra, cộng tu niệm Phật. Đây là pháp nhũ của chúng ta trong hiện tại. Tỷ dụ này sánh ví rất hay! Trẻ thơ bị đứt sữa một ngày, sẽ chết đói. Chúng ta một ngày không nghe pháp, một ngày chẳng niệm Phật, Pháp Thân huệ mạng của chúng ta cũng bị chết đói. Do vậy, trong mười hai thời Phật hiệu chẳng thể gián đoạn giữa chừng.

Phật lực gia trì, chúng ta mới có thể thật sự tinh tấn chẳng lui sụt. Nếu chẳng có Phật lực mà mong chẳng thoái chuyển, chẳng dễ dàng! Chúng ta mỗi ngày lạy Phật, lạy Phật để làm gì? Cầu Phật, Bồ Tát gia trì, con chẳng muốn bị thoái chuyển, đó là điều khẩn yếu. Còn như hết thầy sự nghiệp thế gian lẫn xuất thế gian, thuận lợi hoặc chẳng thuận lợi, cũng do Phật, Bồ Tát gia trì. Nhất tâm cầu Phật. Phật, Bồ Tát thời thời khắc khắc bảo vệ, gia hộ quý vị; nhưng cảnh giới có thuận, có nghịch, có rất nhiều nghịch cảnh, đang trong lúc ấy chẳng sung sướng gì, nhưng đến cuối cùng hóa ra là chuyện tốt, may là nghịch cảnh lại trở thành Tăng Thượng Duyên to lớn. Nếu chẳng phải là nghịch cảnh, sẽ chẳng thể thành công. Chẳng hạn như cư sĩ Sử Hoảng Hy vãng sanh, nếu cụ cả đời đắc chí, năm nào cũng thăng quan phát tài, cụ sẽ chẳng thể vãng sanh. Cụ suốt đời bất đắc chí, bèn làm sao? Thật thà niệm Phật, niệm đến cuối cùng, biết trước lúc mất, không tật bệnh mà qua đời. Cụ đã thành công, thật sự vãng sanh. Chẳng bị bệnh, trước hôm vãng sanh một ngày bảo với người nhà cụ sắp vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ngày hôm sau liền mất. Thông thường, nghịch Tăng Thượng Duyên² là động lực thúc đẩy tinh tấn không chỉ lớn bằng khiến cho người ấy có thể thành công. Từ giảng đài, chúng tôi giới thiệu với quý vị bộ kinh này, cũng là được thần lực của Phật, Bồ Tát gia trì. Nếu không có Phật lực gia trì, chẳng biết sẽ giảng từ đâu. Đây là chúng ta trong hiện tại được lòng Từ của Phật gia bị.

“*Hà kỳ ân lực nhi đắc thành lập*” (nuông nhờ vào ân đức và thần lực [gia trì của Phật] mà được thành lập): Chúng ta nhất định phải hiểu rõ điều này. Nói cách khác, trong cuộc sống thường nhật, từ sáng đến tối, đái người, tiếp vật những chuyện vụn vặt trong thế gian lẫn xuất thế gian, đều được Phật lực gia trì, nghịch duyên dễ khiến cho chúng ta phản tỉnh quay đầu, thuận cảnh chẳng dễ dàng! Thuận cảnh thì vinh hoa phú quý càng mê càng sâu, nghịch cảnh thường kích thích khiến cho đạo tâm của con người

² Nghịch Tăng Thượng Duyên: Tăng Thượng Duyên do gặp nghịch cảnh. Tăng Thượng Duyên là cái duyên thúc đẩy khiến cho cái nhân mau chóng kết thành quả.

phát khởi. Quý vị phải hiểu: Khổ nạn có thể chướng đạo, nhưng nó chỉ có thể chướng ngại những kẻ thiếu ý chí, chướng ngại kẻ hạ hạ căn, chẳng thể chướng ngại bậc trung căn trở lên. Càng bị vui dập, càng dừng mãi, càng tiếp xúc cảnh duyên, [bản lãnh] càng lợi hại, chướng không được! Thế nhưng thuận cảnh không như vậy, thuận cảnh thì ngay cả người căn tánh bậc trung cũng không kham nổi, đắm chìm, mê man trong đó, đọa lạc trong tiếng tăm, lợi dưỡng, tham cầu ngũ dục, lục trần, sức mạnh [mê hoặc] của thuận cảnh chẳng biết lớn gấp bao nhiêu lần nghịch cảnh? Do vậy, tu học Phật pháp, trước hết phải tu từ trong khổ nạn, trước hết tu từ trong nghịch duyên, tu thành công rồi, lại tu trong thuận cảnh.

Trong pháp môn này của Thích Ca Mâu Ni Phật, đại diện cho nghịch cảnh là Tu Bồ Đề (Subhūti). Tu Bồ Đề là Không Sanh: Ngài vừa ra đời, vàng bạc, của cải trong nhà đột nhiên mất hết. Tu học trước hết từ nghịch cảnh, nghịch cảnh là tu Nhẫn Nhục, chịu đựng hết thấy khổ nạn, hết thấy tai hại. Trước hết, học chẳng dấy lên cái tâm sân khuể trong nghịch cảnh. Điều này rất có lý. Sân khuể là địa ngục! Chẳng khởi sân khuể thì trong lục đạo chẳng đọa địa ngục.

Trước hết, học lấy bản lãnh này; [tức là] trước hết là học cách chẳng đọa địa ngục. Sau đây, trong thuận cảnh vẫn phải tu Nhẫn Nhục, nhẫn điều gì? Chẳng khởi tham ái, tâm quý vị mới có thể bình tĩnh, mới có thể đạt được thanh tịnh. Hai thứ cảnh giới thuận và nghịch đều chẳng nhiễm thì trong tâm chẳng nhiễm, đối với hai thứ cảnh giới thuận và nghịch đều chẳng chấp tướng, đều chẳng động tâm thì mới có thể đạt đến nhất tâm bất loạn, mới hòng đắc công phu thành phỉến. Do vậy, cảnh giới thuận và nghịch là Tăng Thượng Duyên, chỉ cần chúng ta vận dụng thích đáng!

(Diễn) Ước Lý, tức tự tánh Di Đà, niệm niệm bất ly, từ từ bi tiếp dẫn. Chân Như bốn giác, nội huân vô minh, thị hoài ngã dĩ thánh thai.

(演)約理，則自性彌陀。念念不離，是慈悲接引。真如本覺，內熏無明，是懷我以聖胎。

(Diễn: Ước theo Lý thì “niệm niệm chẳng lìa tự tánh Di Đà” là “từ từ bi tiếp dẫn”. “Chân Như bốn giác hun đúc vô minh bên trong” là “chứa đựng ta bằng thánh thai”).

Lý này càng sâu hơn! “*Tự tánh Di Đà*” là A Di Đà trong tự tánh. A Di Đà có nghĩa là vô lượng, trong tự tánh có vô lượng vô biên công đức, vô lượng vô biên trí huệ. Nói theo Lý thì là tự tánh A Di Đà. “*Niệm niệm bất ly*” là thật, chẳng giả tí nào, niệm niệm đều là [chẳng lìa tự tánh Di Đà]. Quý vị khởi vọng tưởng, suy nghĩ lung tung thì cũng là nó (tự tánh).

Nếu không có nó, từ đâu mà quý vị suy nghĩ lung tung? Chẳng qua là quý vị sử dụng sai. Quý vị dùng nó theo mê, chẳng dùng theo giác. Nếu quý vị dùng theo giác, sẽ chẳng khác gì chư Phật, Bồ Tát; đáng tiếc là quý vị mê chứ không giác. Nếu giác ngộ, có gì chẳng phải là A Di Đà? Tất cả đều là A Di Đà! Do vậy, đây là nói theo Lý. Nói theo Lý, chúng ta và đức A Di Đà Phật trong thế giới Tây Phương chẳng khác gì nhau, đích xác là một, chẳng phải hai. Nói theo Sự thì hoàn toàn khác nhau: Ngài là đại triệt đại ngộ, chúng ta là đại mê, đại hoặc, mê hoặc, điên đảo, đây là chỗ khác nhau!

“Chân Như bốn giác, nội huân vô minh”: Đây cũng là nói theo Lý. Vấn đề là một chữ Chân. Chân là Như, là giác. Nay chúng ta chưa làm được chữ này, chúng ta chẳng chịu dùng Chân. Chân có hay không? Đương nhiên có! Có, nhưng quý vị không dùng, còn có cách nào nữa đây? Chúng ta có chân tâm, nhưng chẳng chịu dùng chân tâm, cứ khăng khăng dùng vọng tâm. Vọng tâm là tâm sanh diệt. Ý niệm của chúng ta sanh khởi, diệt mất, sanh rồi diệt, những ý niệm sanh diệt ấy là vọng tâm, là chẳng thật, chân tâm bất sanh bất diệt. *“Như”* (如): Là giống hệt nhau, chẳng hai, đó là Như. Mười phương chư Phật Như Lai dùng chân tâm; do vậy, Phật Phật đạo đồng. Nếu chúng ta cũng dùng chân tâm, sẽ giống như mười phương Như Lai, cũng chẳng khác nhau. Kinh Kim Cang giải thích chữ Như Lai như sau: *“Như Lai giả, chư pháp như nghĩa”* (Như Lai mang ý nghĩa “các pháp đều Như”), hết thấy các pháp, không có pháp nào chẳng Như, không có một pháp nào chẳng phải. Kinh Phật vừa mở đầu liền có câu *“như thị ngã văn”*, ngàn kinh vạn luận giảng điều gì vậy? Chính là giảng chữ Như. Đối với hai chữ *“như thị”* trong phần sau sẽ có chú giải. Kinh điển trong Đại Tạng Kinh nhiều dường ấy chính là nhằm chú giải Như là gì, Thị là gì, nhằm giảng hai chữ ấy. Trừ hai chữ ấy ra, đức Phật chẳng giảng bất cứ một câu pháp nào khác, giảng là giảng chữ Như, giảng là giảng chữ Thị. Như chính là Thị.

Do vậy, chỉ cần quý vị dùng chân tâm, vọng tâm sẽ tiêu mất. Vọng tâm là vô minh, *“nội huân vô minh”*, Chân là chẳng vọng, Thành là chẳng ngụy (dối trá). Nho gia nói đến lòng Thành: Chí thành tâm. Nho gia nói *“thành ý, chánh tâm”*. Thành ý là Chân Như bốn giác, chánh tâm là *“nội huân vô minh”*, chẳng khác cách nói của Nho gia. Đây chính là *“thánh thai”*, mấu chốt để thành Phật, thành Bồ Tát là ở chỗ này. Thành là gì? Chúng ta phải hiểu rõ điều này. Tiên sinh Tăng Quốc Phiên có một cuốn bút ký, mang tựa đề Cầu Khuyết Trai Bút Ký. Người thế gian chuyện gì cũng đều mong viên mãn, nhưng tiên sinh giác ngộ, thông minh, cụ cầu

điều gì? Cầu thiếu khuyết, không cầu quá viên mãn, viên mãn thì khuyết điểm sẽ xuất hiện. Cụ chẳng cầu viên mãn, mà cầu thiếu khuyết. Chuyện gì cũng khuyết một chút sẽ tốt đẹp; vì thế căn nhà nơi cụ ở đề tên là Cầu Khuyết Trai. Trong bút ký đọc sách của cụ có chú giải chữ Thành như sau: “*Nhất niệm bất sanh chi vị Thành*” (Một niệm chẳng sanh gọi là Thành). Thành là gì? Một niệm chẳng sanh, đó là Thành, có cùng ý nghĩa với “*nhất tâm bất loạn*” trong kinh điển của chúng ta; nhất tâm bất loạn là Thành. Tâm nếu nhất sẽ là Thành, khởi ý niệm là nhị tâm, lại khởi thêm một niệm nữa bèn là tam tâm. Chúng ta thường nói thông tục là “*tam tâm, nhị ý*”.

“*Tam tâm, nhị ý*” là thuật ngữ trong Phật pháp. “*Tam tâm*” là nói Tâm, Ý, Thức; “*nhị ý*” là nói tới Mạt Na Thức và Ý Thức (thức thứ sáu). Mạt Na (Manas-vijñāna) là Ý Căn, thức thứ sáu là Ý Thức, đây là nhị ý. Tam tâm: Thức thứ tám là tâm, thức thứ bảy và thức thứ sáu đều có thể gọi là “tâm”. Hiện thời, chúng ta dùng tam tâm nhị ý, chẳng dùng nhất tâm. Dùng nhất tâm là Chân Như, là Bồn Giác. Tôi muốn sớm có ngày thành Phật, hy vọng con đường thành Phật của tôi chẳng có chướng ngại, phải làm như thế nào mới thành công? Đối người, đối sự, đối vật, phải dùng chân tâm thì mới được. Đối với người thân yêu của quý vị, đối với người quý vị chán ghét, đối với oán gia đối đầu, đều dùng chân tâm, quyết chẳng cái tâm thứ hai thì quý vị là Phật, là Bồ Tát. Nếu quý vị đối đãi hết thấy mọi người vẫn còn có phân biệt, người này đối với ta còn khá lắm, người nọ ta hơi ghét hằn một chút, mỗi ngày quý vị niệm Phật mười vạn tiếng, nhưng vẫn là phàm phu trong sanh tử, chính là như cổ đức đã nói “*gào rách toạc cuống họng cũng uống công*”, vô ích!

Phật, Tổ dạy chúng ta niệm Phật, dạy chúng ta niệm đến mức nhất tâm bất loạn. Trong miệng chúng ta tuy niệm Phật, nhưng vẫn dùng tam tâm nhị ý, chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối niệm Phật, chẳng khởi tác dụng! Do vậy, quý vị niệm Phật hiệu, nhất định phải đặc lực. Đặc lực là gì? Tâm thanh tịnh, vọng niệm ít, dùng nhất tâm để xử sự thì Phật hiệu đặc lực. Nếu trong mười hai thời, Phật hiệu luôn chẳng gián đoạn, nhưng thấy sắc nghe tiếng vẫn phân biệt, vẫn chấp trước, sẽ hoàn toàn thất bại. Chúng ta niệm Phật muốn thật sự thành tựu, phải sửa trừ những thói tật này của chính mình. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, phân biệt, chấp trước, vọng tưởng đều là những căn bệnh lớn căn bản, phải sửa trừ chúng, niệm niệm đều quy về A Di Đà Phật, đó là “*thánh thai*”.

(Diễn) Phục tác cảnh giới chi tánh, dẫn phát hiện hành, thị tự ngã dĩ pháp nhũ.

(演) 復作境界之性，引發現行，是飼我以法乳。

(Diễn: Lại làm cho tánh cảnh giới dẫn phát hiện hành; đây là “nuôi nấng ta bằng sữa pháp”).

“Tánh” là thể tánh, mức độ ý nghĩa của hai câu này khá sâu. “Cảnh giới” là sáu trần bên ngoài, bên trong là lục căn và lục thức. Toàn bộ những thứ ấy đều thuộc về cảnh giới. Trong khi lục căn của chúng ta tiếp xúc sáu trần, quý vị có thể thấy được tánh cảnh giới thì tốt lắm. Kinh Lăng Nghiêm nói “bỏ Thức dùng Căn”, rất nhiều đồng tu đến hỏi tôi: “Bỏ Thức dùng Căn như thế nào?” Qua kinh điển, chúng tôi đã giảng rất rõ ràng, giải đáp cũng rất minh bạch, quý vị có biết dùng không? Chắc chắn là chẳng biết dùng! Vì sao? Biết dùng sẽ chẳng đến hỏi tôi! Đến hỏi tôi tức là vẫn chưa biết dùng. Đây là đạo lý nhất định. Làm như thế nào mới có thể thấy được Sắc tánh? Quý vị dùng tánh Thấy để thấy Sắc tánh, dùng tánh Nghe để nghe Thanh tánh. Những thứ ấy chẳng gọi là lục trần, mà gọi là lục tánh. Thiền gia nói “*minh tâm kiến tánh*” là nói về cảnh giới này. Minh tâm là thành tâm (tâm chân thành), tức là nhất tâm. Quý vị phải hiểu: Nhất tâm là minh, nhị tâm là vô minh, là mê, là chẳng minh. Nhất tâm là minh; do vậy, nhất tâm thấy Sắc bên ngoài, sẽ thấy được Sắc tánh, chẳng phải Sắc trần. Sắc trần là gì? Trần (塵) có nghĩa là ô nhiễm; tánh chẳng ô nhiễm. Dùng nhất tâm để nghe, sẽ nghe Thanh tánh, chẳng phải là Thanh trần. Chỉ cần quý vị có thể dùng nhất tâm thì lục trần biến thành lục tánh, lục tánh là nhất tâm. Do vậy, gọi là minh tâm kiến tánh, “*dẫn phát hiện hành*” là kiến tánh. Kiến tánh chính là “*tự ngã dĩ pháp nhĩ*” (dùng sữa pháp nuôi nấng ta), đây là nói theo mặt Lý. Nói theo Lý thì lại sợ quý vị vẫn chưa có cách nào để thấu hiểu; tiếp theo đây, [sách Diễn Nghĩa] thuyết minh cụ thể, hy vọng quý vị sẽ hiểu rõ, hy vọng quý vị có thể áp dụng vào cuộc sống hiện thực.

(Diễn) Chiết toàn phủ ngưỡng, xuyên y, ngật phạn, bất ly giá cá, thị hà kỳ ân lực nhi đắc thành lập dã.

(演) 折旋俯仰，穿衣吃飯，不離這個，是荷其恩力而得成立也。

(Diễn: Bẻ, xoay, cúi, ngửa, mặc áo, ăn cơm, chẳng rời điều này là “do nhờ vào ân lực mà được thành lập”).

“*Chiết toàn phủ ngưỡng*” là nói tới động tác, động tác rất tự tại. “*Mặc áo, ăn cơm*” là chuyện bình thường. “*Giá cá*” (cái này) là tự tánh Di Đà, là Chân Như bốn tánh.

(Diễn) Cổ vân: “*Dã lão phụ tân quy, thôn phụ liên tiêu chức, khán tha gia sự mang, thả đạo bằng thù lực? Vấn ông, ông bất tri, vấn cừ, cừ bất thức. Ta tại, kim cổ nhân, kỷ cá tri ân đức*”.

(演)古云：野老負薪歸，村婦連宵織，看他家事忙，且道憑誰力？問翁翁不知，問渠渠不識。嗟哉今古人，幾個知恩德！

(Diễn: Cổ nhân nói: “*Lão tiều gánh củi về, phụ quê suốt đêm dệt, thấy họ bận việc nhà, hỏi nhờ vào sức ai? Hỏi ông, ông chẳng biết, hỏi mẹ, mẹ không hay. Than ôi, người xưa nay, mấy ai biết ân đức*”).

“*Dã lão phụ tân quy*” (lão tiều gánh củi về) là nói người dẫn củi, hiện tại không thấy nữa. Hiện thời ngay trong làng quê cũng chẳng có ai dẫn củi. “*Thôn phụ liên tiêu chức*” (Người đàn bà nhà quê thức suốt đêm dệt vải), tỷ dụ cuộc sống bận bịu: Chồng đi ra ngoài dẫn củi, bán củi, vợ ở nhà dệt vải, thức suốt đêm dệt dệt. Đủ thấy cuộc sống siêng năng, nhọc nhằn. “*Khán tha gia sự mang*” (Thấy họ bận việc nhà), suốt ngày từ sáng đến tối bận tít tít, “*thả đạo bằng thù lực*” (bèn hỏi nhờ vào sức ai): Suốt ngày từ sáng đến tối bận bịu, ai đang bận? Sức đâu khiến quý vị cử động? “*Vấn ông, ông bất tri, vấn cừ, cừ bất thức*” (hỏi ông, ông chẳng biết; hỏi mẹ, mẹ không hay). Ý nghĩa này đã hiển thị rồi, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới có pháp nào chẳng phải là tự tánh Di Đà, Chân Như bốn giác? Pháp nào cũng đều là, pháp nào cũng đều Như, chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này. Mấu chốt là giác hay mê. Nói cách khác, giác hay mê nói cho nhiều, quý vị cũng nghe như gió thoảng bên tai. Chúng ta thay đổi danh từ, vẫn là cùng một chuyện, nhất tâm và loạn tâm (tam tâm, nhị ý). Bất luận là nhất tâm hay tam tâm nhị ý, nói chung, chẳng lìa điều này. Do vậy, thành Phật là do nó, mà biến thành súc sanh, đọa địa ngục vẫn do nó, không có ai khác, đều là do Chân Như bốn tánh của chính mình!

Kinh Lăng Nghiêm nói: “*Nguyên y nhất tinh minh, phân thành lục hòa hợp*” (vốn là một cái trong trẻo, sáng suốt tuyệt diệu, mà chia thành

sáu thứ hòa hợp)³, là một, không hai. Ví như điện, điện do công ty điện lực truyền ra là một, chúng ta truyền điện vào đèn nó sẽ tỏa sáng, truyền vào cái máy này nó sẽ khuếch đại âm thanh, nhưng đều là nó cả! Tất cả máy móc chạy bằng điện mà chúng ta sử dụng chỗ này đều là một thứ “*nhất tinh minh*”, cũng chia thành vô lượng vô biên tác dụng. Quý vị phải hiểu: “*Nhất*” chính là nhất tâm của quý vị. Tất cả hết thảy hoạt động, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới toàn là tác dụng của nó, giống như nay chúng ta nói tới “*điện khí hóa*”. Nguyên lý là một thứ, nói thật ra, điện ngày nay vẫn là một trong vô lượng công đức của Chân Như bản tánh. Do điều này, chúng ta mới thật sự hiểu nhất tâm đáng quý, nhất tâm là cội nguồn, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới có cội nguồn căn bản là nó.

Trong tất cả các pháp môn, tiền nhập căn nguyên này một cách trực tiếp, ngắn gọn, thỏa đáng chính là bộ kinh Di Đà này, mục tiêu của kinh là “*nhất tâm bất loạn, tâm không điên đảo*”. Thiên gia nói “*tu từ căn bản*”, căn bản của mọi thứ căn bản là niệm Phật. Vì thế, pháp môn Niệm Phật được gọi là “*kính trung kính hựu kính*” (con đường tắt hơn những con đường tắt nhất trong những con đường tắt). Đạo lý là ở chỗ này. “*Kính*” (徑) là trực tiếp, là đường tắt, Đại Thừa là đường tắt. Thiên Tông là con đường tắt nhất trong những con đường tắt, niệm Phật lại là đường tắt hơn nữa trong các con đường tắt nhất, không có gì trực tiếp hơn được, không có đường nào trực tiếp bằng nó. Quý vị hiểu rõ chân tướng sự thật này thì quý vị mới chắt lọc sạch những tâm niệm so đo, khẳng khái niệm một câu A Di Đà Phật đến tột cùng, mới có thể thật sự buông xuống vạn duyên. Không chỉ buông xuống hết thảy vạn duyên trong thế gian mà Phật pháp cũng buông xuống, ngàn kinh, muôn luận, vô lượng pháp môn thảy đều buông xuống, niệm một câu Di Đà này đến tột cùng, vì sao? Nó là cách tu trực tiếp, thỏa đáng để tu căn nguyên.

(Sớ) Cù lao chi đức, hạo thiên võng cực, nhi nữ bạn khí bốn sanh, minh linh dị tánh, duy ưng hoài mộ chung thân, tử hữu vô phương, định tỉnh bất vi nhi dĩ.

³ Theo Phật Học Đại Từ Điển, chữ “*tinh minh*” hình dung sự trong trẻo đến tột cùng, chỉ Chân Như bản tánh của chúng ta. Từ Chân Như bản tánh phát khởi tác dụng, mà cụ thể là sáu thức, tác dụng của sáu thức ấy chẳng trở ngại lẫn nhau, nên gọi là “*lục hòa hợp*”.

(疏)劬勞之德，昊天罔極，而乃叛棄本生，螟蛉異姓，惟應懷慕終身，左右無方，定省不違而已。

(Sớ: Ân đức cù lao, trời cao mệnh mông khôn sánh, thế mà ngỗ nghịch, vứt bỏ đáng sanh ra mình, làm con nuôi cho kẻ khác họ, chỉ nên nhớ tưởng, ngưỡng mộ suốt đời, phụng dưỡng mọi lễ, sáng thăm, tối viếng, chẳng trái nghịch mà thôi).

Mấy câu này là nói tỷ dụ, dẫn dụng lời trong kinh Thi⁴. “Cù lao chi đức”: Sánh ví A Di Đà Phật như từ phụ của chúng ta. Trong phần trên đã có nói: Phật Di Đà hằng ngày mong ngóng chúng ta quay đầu, ngóng chờ chúng ta vãng sanh, nhưng chúng ta tự mình mê hoặc, điên đảo, cô phụ Phật ân. “Minh linh dị tánh”: “Minh linh”⁵ là con nuôi, chẳng phải do chính mình sanh ra. Quan hệ giữa A Di Đà Phật và chúng ta giống như cha mẹ ruột [đối với con cái], chẳng phải là con nuôi, mà là do chính mình đẻ ra. Câu “minh linh dị tánh” sánh ví điều gì? Tỷ dụ từ bồn tánh, một niệm bất giác dấy lên vô minh, biến thành tám thức, giống như sâu minh linh làm con nuôi [cho tò vò]. Chúng ta hiện đang bị vô minh xoay chuyển, biến hiện thành cảnh giới gì vậy? Sáu nẻo luân hồi; nơi cái gốc sanh thành chẳng có lục đạo luân hồi, cái gốc sanh thành Nhất Chân pháp giới. “Minh linh dị tánh” tỷ dụ chúng ta nay đang mê hoặc, điên đảo, luân hồi trong sáu nẻo, “bạn khí bốn sanh” (ngỗ nghịch, vứt bỏ đáng sanh ra mình, tức là chống trái vứt bỏ bồn tánh), “bốn sanh” là Chân Như bồn tánh, trái nghịch Chân Như bồn tánh, trái nghịch tánh giác, xuôi theo trần lao, đây là hiện tượng của chúng ta trong hiện thời.

⁴ Hai câu đầu trong đoạn này dựa theo ý bài thơ Lục Nga trong thiên Tiểu Nhã của kinh Thi: “Lục lục giả nga, phi nga y hao, ai tại phụ mẫu, sanh ngã cù lao... vô phụ hà hồ, vô mẫu hà thị, xuất tắc hàm tuất, nhập tắc mị chí, dục báo chi đức, hạo thiên vãng cực” (cỏ nga xanh biếc, chẳng phải cỏ nga cũng là cỏ hao, xót thay cha mẹ, sanh ta nhọc nhằn... Không cha nương ai? Không mẹ cậy ai? Ra thì thương xót, vào thì chăm nom, muốn báo ân đức, trời thăm mệnh mông, khôn ngăn sánh tày).

⁵ Minh linh (螟蛉: Bollworm) là một loài sâu ký sinh trong thực vật, phổ biến nhất là loại sâu hại lúa hay hút nhựa khiến cây lúa chết khô (có lẽ là một loại rầy). Tò vò (quả lồi, 蜾蠃, potter wasp) là một loại ong mình đen, vằn vàng, đốt rất đau. Tò vò thường bắt minh linh, đốt cho minh linh mê đi, nhưng không chết, nhốt vào tổ rồi để trứng lên mình nó, khi tò vò con nở ra sẽ ăn sạch con minh linh ấy. Cổ nhân lầm tưởng tò vò không có con, phải bắt minh linh về nuôi nấng để nở thành tò vò con nên thường gọi con nuôi là “minh linh”.

Hai câu kế tiếp nhằm khuyên lon chúng ta “*duy ưng hoài mộ chung thân*” (chỉ nên suốt đời nhớ tưởng, ngưỡng mộ): Nếu chẳng hiểu rõ chân tướng sự thật này, chẳng thể nào nói tới hai chữ “*hoài mộ*”. Càng lý giải sâu đậm thì tâm hoài mộ càng thiết tha. “*Hoài*” (懷) là nhớ nhung trong lòng, niệm niệm chẳng quên. “*Mộ*” (慕) là ngưỡng mộ. “*Chung thân*” là cho đến chết. Chúng ta hoài niệm Tây Phương Cực Lạc thế giới, ngưỡng mộ những vị thượng thiện nhân vãng sanh Tịnh Độ, họ đã đến đó. Bản thân tôi học Phật ba mươi mấy năm, nghe tin mấy vị vãng sanh. Lần thứ nhất được nghe là do cư sĩ Từ Tịnh Dân kể chuyện cụ Lý Tế Hoa vãng sanh, biết trước lúc mất, không bệnh gì mà qua đời. Cụ tới giảng khai thị tại Niệm Phật Đoàn, giảng xong một tiếng rưỡi, bảo mọi người cụ muốn về nhà, bước xuống bục giảng, ngồi trên sofa, vãng sanh tại đó. Nhà của cụ ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, trở về nhà rồi! Đây là biết trước lúc mất, đã sớm báo với các bạn bè. Chuyện thứ hai là do pháp sư Sướng Hoài kể với tôi, chuyện này cũng không giả, là chuyện xảy ra hồi năm ngoái. Lần này, tôi ở Los Angeles, được cư sĩ Châu Tuyên Đức kể cho tôi nghe, chuyện cũng chẳng giả, là chuyện xảy ra trước đây một tuần. Những vị vãng sanh ấy đều không bị bệnh, biết trước lúc mất, chúng ta hoài niệm, ngưỡng mộ họ. Trong tương lai chúng ta vãng sanh, nếu bị bệnh một trận, vẫn cần mọi người trợ niệm, thì chúng ta chẳng bằng họ, người ta không bị bệnh, chẳng cần người khác trợ niệm.

Có một năm tôi ở Phật Quang Sơn, có một công nhân kể cho tôi nghe một câu chuyện. Ông ta là người làng Tướng Quân, trong làng quê của ông ta có một bà cụ, suốt đời làm lành, lễ Phật, nhưng chưa từng đi học, ngược ngao coi thần Thổ Địa cũng là Bò Tát, Thành Hoàng Gia cũng là Bò Tát, lễ bái khắp nơi. Ba năm trước, bà ta cưới dâu cho con trai. Con dâu là tín đồ Phật giáo, thông hiểu Phật pháp, bèn bảo bà ta đừng lạy thần, khuyên bà ta chuyên niệm A Di Đà Phật, cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ. Bà cụ niệm suốt ba năm, khi vãng sanh bèn đứng vãng sanh, cũng là không bệnh tật mà mất. Bà cụ trợn chẳng nói trước với người nhà, khi ăn cơm tối, cụ bảo: “Ta cần tắm rửa”, bảo con trai và con dâu cứ ăn cơm trước, đừng đợi bà cụ, dãn dò như thế đó. Con trai, con dâu rất hiếu thuận, cứ thật thà đợi, đợi rất lâu chẳng thấy cụ bước ra, vào nhà tắm tìm cụ thì cụ không ở trong nhà tắm, cũng chẳng ở trong phòng, rốt cuộc khi đến Phật đường thì thấy cụ đứng tại đó, đã vãng sanh rồi. Người công nhân ấy bảo tôi: “*Niệm Phật vãng sanh là thật, chẳng giả tí nào!*” Chúng ta chẳng những hoài niệm, ngưỡng mộ A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, mà còn

hoài niệm, ngưỡng mộ những vị thượng thiện nhân thật sự vắng sanh trong hiện tại, họ là gương mẫu, là điển hình cho chúng ta.

Tôi ở Cự Kim Sơn, Cam cư sĩ kể cho tôi nghe một chuyện vắng sanh: Một người họ hàng của bà ta ngồi niệm Phật qua đời, biết trước lúc mất, trước đó đã may sẵn cho người lớn, kẻ nhỏ trong nhà mỗi người một bộ áo tang, nhưng người trong nhà đều không biết. Cự vắng sanh vào một buổi sáng sớm, người nhà đẩy cửa phòng bà cụ vào xem, thấy cụ ngồi trên giường, không còn thở nữa, xem lại thì thấy áo tang đã bày hết ra trước mặt, tự mình đã chuẩn bị hết thấy hậu sự chu đáo, con cháu khỏi phải bận lòng, rất tuyệt!

Do vậy, nhất định phải buông xuống các duyên trong cõi đời, chúng chẳng có gì là tốt đẹp cả. Trong thế gian này, chúng ta ăn no, mặc ấm là đủ rồi, chẳng cần phải tích góp. Tích góp là tai nạn, tích góp là ma chướng, chướng đạo, chướng ngại cái tâm thanh tịnh của quý vị. Tiên sinh Tăng Quốc Phiên nói: “*Cầu khuyết, chẳng cầu viên mãn*”. Áo thiếu một chút, ăn uống cũng khuyết một chút, thứ gì cũng đều khuyết một chút, là vì khuyết một chút, quý vị sẽ chẳng lưu luyến thế giới này, quý vị sẽ luôn nghĩ: “Ta nhanh chóng về Tây Phương Cực Lạc thế giới vẫn tốt hơn”. Thứ gì cũng đều rất viên mãn thì quý vị không bỏ đi được, chuyện này chẳng tốt! Do vậy thứ gì cũng đều khuyết một chút mới tốt, thời thời khắc khắc kích thích ý niệm vắng sanh của quý vị.

“*Tả hữu vô phương, định tĩnh bất vi*”. Tôi nêu ý nghĩa [của câu thành ngữ] được đại sư trích dẫn, chứ không nói tới ý nghĩa gốc của thành ngữ⁶, trong lời chú giải có nêu ý nghĩa gốc ấy. “*Định tĩnh*” là niệm Phật.

⁶ Từ ngữ “*tả hữu vô phương*” xuất phát từ đoạn văn sau đây trong thiên Đàn Cung sách Lễ Ký: “*Sự thân hữu ần nhi vô phạm, tả hữu tự dưỡng vô phương, phục cần chí tử, trí táng tam niên. Sự quân hữu phạm nhi vô ần, tả hữu tự dưỡng hữu phương, phục cần chí tử, phương táng tam niên. Sự sư vô phạm vô ần, tả hữu tự dưỡng vô phương, phục cần chí tử, tâm táng tam niên*” (Thờ cha mẹ, hễ cha mẹ có lỗi, con nên ần giấu, đừng chống đối công khai, chăm sóc phụng dưỡng theo mọi cách đừng nề hà một phương cách bó buộc nào. Siêng năng hầu hạ cha mẹ cho đến khi cha mẹ mất, để tang ba năm. Thờ vua thì hễ vua có lỗi phải can gián, đừng ần giấu lỗi vua. Phụng sự vua đủ mọi lễ, nhưng phải có khuôn phép nhất định. Phụng sự cho đến khi vua chết, bèn để tang ba năm. Thờ thầy bèn chẳng chống đối thầy, mà cũng chẳng giấu lỗi của thầy, phụng dưỡng thầy đủ mọi lễ, nhưng không ràng buộc theo quy cách nhất định nào. Phụng sự cho đến khi thầy mất, để tang trong lòng ba năm). Do vậy, “*tả hữu vô phương*” có nghĩa là chăm sóc đủ mọi khía cạnh, không bị ràng buộc bởi một quy củ nào.

Từ ngữ “*định tĩnh*” xuất phát từ thiên Khúc Lễ trong sách Lễ Ký: “*Phàm vi nhân tử chi lễ, Đông ôn nhi Hạ sảng, hôn định nhi thần tĩnh*” (Phàm là lễ nghi của phạn làm

“*vô phương*” là niệm Phật chẳng có một phương pháp nhất định nào. Quý vị thích niệm như thế nào bèn niệm như thế ấy, chỉ cần niệm đến mức tâm thanh tịnh là đắc lực. Có người hỏi: “Niệm bốn chữ hay là niệm sáu chữ? Niệm một âm hay là niệm bảy âm?”⁷ Toàn là những chuyện chẳng ra đầu vào đầu cả! Vì sao? Đó là phương pháp, phương pháp không nhất định, niệm lớn tiếng cũng được, niệm nhỏ tiếng cũng xong, niệm thầm cũng được, niệm Kim Cang Trì cũng hay, không nhất định! Nói chung là [phải tuân thủ] một nguyên tắc: Phải niệm sao cho thân tâm tự tại. Điểm này rất quan trọng, phải niệm đến nhất tâm bất loạn.

Nếu khi niệm Phật mà khởi phân biệt, chấp trước thì đều là sai lầm. Cách niệm của tôi khác với cách niệm của người ta, đừng khởi lên tranh chấp. Tôi niệm cách này, tôi đắc nhất tâm, người khác niệm cách của họ đắc nhất tâm thì đều là vô lượng công đức, không nhất định cách tôi niệm là đúng, cách người khác niệm là sai! Cũng có thể là người ta niệm đúng, tôi niệm trật, vì sao? Người ta niệm Phật chẳng khởi tâm phân biệt, tôi niệm Phật khởi phân biệt, “tôi đúng, kẻ khác sai”, tôi trật lất rồi! Tôi nhị tâm, chẳng còn là nhất tâm nữa! Nhất là khi đại chúng cùng niệm Phật thì thường có khi pháp khí gõ trật nhịp, mọi người sanh phiền não. Vì sao người ấy sanh phiền não? Là vì niệm bằng tam tâm nhị ý, đương nhiên người ấy sanh phiền não. Nếu người ấy nhất tâm niệm, quý vị gõ sai như thế nào đi nữa, người ấy cũng không nghe, nhất tâm mà! Trong nhất tâm chẳng có đúng hay sai, tam tâm nhị ý mới có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng; đây là điều rất khẩn yếu!

(Diễn) Ước Lý, tắc niệm niệm hồi quang phản chiếu, tùy thuận Chân Như. Ước Sự, tắc từng sanh chí lão, hành, trụ, tọa, ngọa, túc hưng dạ寐, nhất cú Di Đà vô gián đoạn dã.

con thì mùa Đông giữ cho cha mẹ ấm áp, mùa Hạ giữ cho cha mẹ được mát mẻ, sáng thắm tới viếng). Trịnh Huyền chú giải: “*Định là xếp đặt giường gối ngay ngắn, Tĩnh là hỏi cha mẹ cảm thấy như thế nào [khi thức dậy]*”. Do đó, về sau, chữ “*định tĩnh*” thường được dùng để chỉ sự quan tâm, hỏi han của con cái đối với cha mẹ mỗi ngày. Liên Trì đại sư dùng hai thành ngữ này để nói người niệm Phật phải luôn nghĩ nhớ A Di Đà Phật như nghĩ tới cha mẹ, luôn niệm Phật, tưởng Phật, nhớ Phật đó là “*định tĩnh*”, miễn làm sao không quên Phật hiệu, tâm chẳng lìa tâm Phật, đừng chấp chặt một phương pháp niệm Phật cố định nào nên mới nói “*tả hữu vô phương*”. Tâm mình luôn đồng tâm Phật, chẳng bỏ pháp môn này chạy theo pháp môn khác nên gọi là “*vô vi*” (không trái nghịch).

⁷ Nói là “niệm bảy âm” vì khi niệm câu hồng danh sáu chữ để đi kinh hành, chữ Đà sẽ được kéo dài thành hai âm tiết.

(演)約理，則念念迴光反照，隨順真如。約事，則從生至老，行住坐臥，夙興夜寐，一句彌陀無間斷也。

(Diễn: Ước theo Lý, niệm niệm hồi quang phản chiếu, tùy thuận Chân Như. Ước theo Sự, từ lúc sanh ra cho đến khi già, đi, đứng, nằm, ngồi, sáng dậy, tối ngủ, một câu Di Đà chẳng gián đoạn).

Đây chính là “tả hữu vô phương, định tĩnh vô vi”. Nay chúng tôi trong một tiếng rưỡi giảng đôi chút như vậy, nhưng điều này thật sự hết sức quan trọng đối với sự dụng công niệm Phật của chúng ta, nhất là chúng ta đã thấy những tấm gương vãng sanh tự tại nhiều như thế. Trước kia, chúng ta nghe nói cư sĩ Vương Long Thư đứng vãng sanh. Quý vị xem cuốn Long Thư Tịnh Độ Văn, phía trước có một bức vẽ, ấy là hình vẽ ông ta vãng sanh, đứng vãng sanh! Ông Vương Đa Thiết ở Hành Châu cũng đứng vãng sanh, biết trước lúc mất, nhưng thời gian niệm Phật không lâu, niệm ba năm thôi! Niệm ba năm mà có thể biết trước lúc mất, không bệnh tật qua đời, lại còn đứng vãng sanh, chẳng dễ dàng! Lại thưa cùng quý vị, buông xuống được thì [vãng sanh] chẳng khó, chứ buông xuống không được thì [vãng sanh] khó lắm! Quá ư là khó! Vấn đề là quý vị có chịu buông xuống hay không, chịu nhất tâm hay không? Chỉ cần quý vị nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật là quý vị thành tựu, niệm trong thời gian ba năm là đủ rồi!

Do vậy, hiện thời tôi không làm chuyện gì khác, chuyên niệm A Di Đà Phật. Vì sao? Tôi biết tôi cũng chẳng còn mấy năm, đấy là tính toán cho chính mình, hết sức khẩn yếu. Trước kia còn có thể giảng cho quý vị những kinh luận khác, đàm huyền, thuyết diệu, hiện thời không làm chuyện ấy nữa, nhất tâm nhất ý chuẩn bị vãng sanh. Nếu trong tương lai, tôi không vãng sanh, còn thua kém những người ấy, đúng là chuyện khó chấp nhận được! Hy vọng trong tương lai, khi tôi vãng sanh, kinh đã giảng xong, mọi người niệm Phật, tôi xin nghỉ, ra đi như vậy đó, tự tại xiết bao! Cổ nhân đã có trường hợp vãng sanh ngay trên giảng đài, tôi cũng hy vọng trong tương lai vãng sanh trên giảng đài. Hôm nay tôi giảng đến chỗ này, đến đây là hết một đoạn.